

Phủ thủ tướng phê chuẩn việc phân vạch địa giới có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn :

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập một số xã ở vùng kinh tế mới, lấy tên là xã Lê Minh Xuân và xã Phạm Văn Hai thuộc huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. — Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 1977

Bộ trưởng Phủ thủ tướng

VŨ TUÂN

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 9-LĐ/TT ngày 14-4-1977
hướng dẫn thi hành Luật công
đoàn trong các xí nghiệp tư bản
tư doanh.

Nghị quyết số 76-CP ngày 25-3-1977 của Hội đồng Chính phủ đã ban hành danh mục các văn bản luật lệ hiện hành được thi hành trong cả nước, trong đó có Luật công đoàn.

Nay nhất trí với Tổng công đoàn Việt Nam, Bộ Lao động hướng dẫn thi hành Luật công đoàn và nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 188-TTg ngày 9-4-1958 quy định chi tiết thi hành Luật ấy trong các xí nghiệp tư bản tư doanh⁽¹⁾. Thông tư này thay thế thông tư số 26-LĐ/TT ngày 1-10-1958 của Bộ Lao động.

I. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG ĐOÀN TRONG XÍ NGHIỆP TƯ BẢN TƯ DOANH

Trong các điều 5, 9, 18 của Luật công đoàn và điều 12, 16 trong nghị định số 188-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhiệm vụ, quyền hạn

của công đoàn trong xí nghiệp tư bản tư doanh được xác định như sau :

1. Tò chức, giáo dục người làm công ý thức giai cấp, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể, tôn trọng nội quy xí nghiệp, thi đua đầy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, không ngừng nâng cao năng suất lao động, đảm bảo lợi ích của Nhà nước, lợi ích của người làm công và lợi ích hợp pháp của chủ xí nghiệp.

2. Thay mặt những người làm công ký kết hợp đồng lao động tập thể với chủ xí nghiệp ; can thiệp và tham gia giải quyết các vụ tranh chấp giữa người làm công và chủ xí nghiệp.

3. Giám sát việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc thi hành các chính sách, luật pháp của Nhà nước về sản xuất kinh doanh, và lao động.

4. Trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan Nhà nước giải quyết, hoặc tòa án xét xử những việc có liên quan đến quyền lợi và danh dự của người làm công những vi phạm về luật công đoàn và các luật lệ, chế độ về sản xuất, kinh doanh và lao động của Nhà nước.

II. THỰC HIỆN QUYỀN GIÁM SÁT CỦA CÔNG ĐOÀN VÀ CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG

1. Nội dung giám sát của công đoàn và của người làm công.

a) Giám sát sản xuất, kinh doanh theo đăng ký với Nhà nước, tận dụng năng lực sản xuất của xí nghiệp để phát triển sản xuất, quản lý tốt máy móc, thiết bị, vật tư, sử dụng quỹ khấu hao cơ bản và quỹ tích lũy đúng quy định, nộp đủ thuế và đúng thời hạn, sản xuất đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, v.v... chống mọi hành động phân tán tài sản, gây đình trệ sản xuất, đầu cơ tích trữ, khai man năng lực sản xuất, trốn thuế, lậu thuế, làm hàng giả, hàng xấu, đòi nguyên vật liệu xấu lấy nguyên vật liệu tốt, kê khai giá thành không đúng, tăng giá hàng trái phép, giao hàng không đủ và không đúng thời hạn, v.v...

Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế giữa cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức tập thể) và chủ xí nghiệp từ việc chuẩn bị ký kết, bổ sung sửa đổi đến cả quá trình thực hiện. Các bản dự thảo hợp đồng kinh tế phải gửi đến Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp ít nhất 7 ngày trước khi ký kết. Cơ quan Nhà nước và chủ xí nghiệp phải coi trọng ý kiến của Ban chấp hành công đoàn và

1) In lại trong số Công báo này, xem trang 59.

thường xuyên thông báo cho Ban chấp hành công đoàn về kết quả thực hiện hợp đồng.

b) Giám sát việc thi hành các chính sách, luật pháp của Nhà nước về lao động, chế độ tuyển dụng và cho thôi việc, chế độ đối với người học nghề, thời gian làm việc và nghỉ ngơi, chế độ tiền lương và các hình thức trả lương, các chế độ tiền thưởng, chế độ trợ cấp, phụ cấp và trích lợi nhuận của xí nghiệp lập quỹ phúc lợi tập thể, chế độ bảo hộ lao động, chế độ bảo hiểm xã hội, các hợp đồng lao động cá nhân, v.v...

Khi chủ xí nghiệp tuyển dụng người làm công, hoặc cho người làm công thôi việc, phải được sự đồng ý của Ban chấp hành công đoàn.

Đối với những trường hợp có nguy cơ xảy ra tai nạn làm thiệt hại sản xuất hoặc tính mạng người làm công, Ban chấp hành công đoàn có quyền yêu cầu chủ xí nghiệp ra lệnh tạm thời đình chỉ ngay bộ phận đang làm và thi hành các biện pháp an toàn cần thiết, đồng thời báo cáo ngay cho cơ quan lao động địa phương. Nhận được báo cáo của công đoàn, cơ quan lao động phải tức khắc tới kiểm tra và chỉ thị cho chủ xí nghiệp có biện pháp giải quyết thiết thực và tùy trường hợp, có thể ra lệnh đình chỉ hoạt động ngay bộ phận có thể gây tai nạn nghiêm trọng đó nếu thấy vẫn còn hoạt động.

2. Các hình thức giám sát của công đoàn và của người lao động.

a) Hội nghị những người làm công.

Công đoàn tổ chức và lãnh đạo hội nghị những người làm công. Những xí nghiệp có dưới 150 người, thì họp toàn thể những người làm công; những xí nghiệp có trên 150 người thì họp hội nghị đại biểu. Các ủy viên Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp là đại biểu đương nhiên. Khi cần thiết, Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp có thể mời đại biểu công đoàn cấp trên, hoặc cơ quan Nhà nước tham dự.

Mục đích hội nghị là nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của những người làm công, góp ý kiến với chủ xí nghiệp về những việc làm đã qua và các biện pháp thực hiện trong thời gian sắp tới. Tùy tình hình mà hội nghị bàn một hoặc nhiều vấn đề sau đây:

— Việc thực hiện các kế hoạch, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động tập thể đã ký kết.

— Việc thi hành các chính sách, luật pháp của Nhà nước về sản xuất kinh doanh, về lao động...

— Việc sử dụng quỹ phúc lợi tập thể của xí nghiệp.

— Các vấn đề do công đoàn cấp trên, hoặc cơ quan Nhà nước yêu cầu phải lấy ý kiến những người làm công.

Đề tiến hành tốt hội nghị những người làm công hoặc đại biểu người làm công, chủ xí nghiệp có trách nhiệm chuẩn bị báo cáo những vấn đề mà Ban chấp hành công đoàn yêu cầu. Ban chấp hành công đoàn báo cáo về việc dùng quỹ phúc lợi tập thể của xí nghiệp. Báo cáo của chủ xí nghiệp gửi trước cho Ban chấp hành công đoàn đề nghiên cứu, góp thêm ý kiến.

Chủ xí nghiệp có trách nhiệm trả lời những ý kiến của hội nghị. Hội nghị phải có kết luận và ghi vào biên bản. Đại diện Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp cùng ký vào biên bản. Hội nghị cần chú ý các vấn đề sau đây:

— Đối với những ý kiến thiết thực nhằm khắc phục khó khăn trong sản xuất, hoặc những sáng kiến hợp lý hóa sản xuất cải tiến kỹ thuật, thì chủ xí nghiệp tiếp thu đề thực hiện.

— Đối với những vấn đề thực hiện kế hoạch hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động tập thể việc thi hành các chính sách, luật lệ, chế độ của Nhà nước mà hội nghị những người làm công đã thảo luận, góp ý kiến nhưng chủ xí nghiệp và những người làm công còn có ý kiến khác nhau thì sau hội nghị, Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp tiếp tục bàn bạc. Khi cần Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp báo cáo lên công đoàn cấp trên, cơ quan lao động địa phương và các cơ quan Nhà nước khác đề giải quyết.

— Đối với quỹ phúc lợi tập thể của xí nghiệp, hội nghị những người làm công thảo luận và quyết định kế hoạch sử dụng. Chủ xí nghiệp với sự giúp đỡ của Ban chấp hành công đoàn tổ chức thực hiện.

— Hội nghị những người làm công họp 6 tháng một lần vào đầu năm và giữa năm. Hội nghị họp vào ngày nghỉ hàng tuần. Có thể lấy một nửa thì giờ trong giờ làm việc nhưng phải đảm bảo sản xuất bình thường. Bất kỳ trường hợp nào cũng không được ngừng sản xuất để hội họp. Tất cả các cuộc họp phải được chuẩn bị kỹ, ngắn gọn không làm mất thì giờ sản xuất và điều hành của công nhân và chủ xí nghiệp.

b) Ký kết hợp đồng lao động tập thể.

Căn cứ vào chính sách, chế độ lao động của Nhà nước, Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp phổ biến cho những người làm công hiểu rõ nội dung hợp đồng; đồng thời vận động những người làm công thực hiện tốt phần trách nhiệm của mình và giám sát việc thực hiện các điều cam kết của chủ xí nghiệp.

c) Hội nghị giữa Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp.

Hàng tháng, hàng quý, Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp xem xét tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, tình hình thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, tình hình thi hành bản quy định quan hệ chủ thợ, việc thi hành các chính sách, luật pháp của Nhà nước nếu thấy có điều gì thiếu sót thì sửa chữa hoặc bổ sung kịp thời.

Mỗi kỳ họp phải ghi biên bản. Đại diện Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp cùng ký vào biên bản.

Sau mỗi lần họp, Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp thông báo cho những người làm công biết nội dung và kết quả.

Ngoài ra, khi cần thiết, Ban chấp hành công đoàn có thể yêu cầu chủ xí nghiệp, hoặc từng người trực tiếp phụ trách từng phần việc của xí nghiệp (như kế toán, thủ kho, nhân viên kỹ thuật, y tế, v.v...) báo cáo tình hình các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo hộ lao động, v.v...

d) Quyền kiểm tra của công nhân.

Khi cần thiết, Ban chấp hành công đoàn tổ chức những người làm công thành từng tổ để kiểm tra tình hình xí nghiệp. Thành phần mỗi tổ kiểm tra gồm một ủy viên Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp và từ hai đến ba người làm công am hiểu vấn đề.

Các tổ này kiểm tra những vấn đề do Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp định như: tình hình sản xuất, bảo hộ lao động, tổ chức ăn, ở, khám, chữa bệnh, v.v... trong xí nghiệp. Kiểm tra việc gì, phải làm biên bản và báo cáo kết quả với công nhân.

Qua kiểm tra, Ban chấp hành công đoàn góp ý kiến với chủ xí nghiệp về các vấn đề cần khắc phục, đồng thời thông báo cho những người làm công biết. Những việc thật cần thiết mới kiểm tra trong giờ làm việc và không được quá một ngày do chủ trả lương nếu là vấn đề thuộc lợi ích sản xuất.

d) Công đoàn cấp trên kiểm tra.

Khi đại diện công đoàn cấp trên đến kiểm tra việc thi hành Luật công đoàn, chủ xí nghiệp có nhiệm vụ giúp đỡ họ làm tròn trách nhiệm.

III. CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VÀ VIỆC TRÍCH NỘP KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN

1. Cán bộ công đoàn và thời giờ hoạt động công đoàn.

a) Chủ xí nghiệp đề một số người mà công đoàn cấp trên đã duyệt chuyên trách công tác

công đoàn theo đúng tỷ lệ quy định trong Luật công đoàn. Ngoài tiền lương, phụ cấp và các khoản công tác phí do quỹ công đoàn đài thọ, cán bộ chuyên trách công tác công đoàn còn được chủ xí nghiệp thi hành đầy đủ các quyền lợi khác như mọi người làm công trong xí nghiệp.

Khi thôi chuyên trách công tác công đoàn, cán bộ đó trở lại làm công tác chuyên môn. Nếu bố trí trái nghề cũ phải được Ban chấp hành công đoàn và người đó thỏa thuận.

— Xí nghiệp có từ trên 150 đến 400 người làm công, có thể có 1 cán bộ chuyên trách;

— Xí nghiệp có từ trên 400 đến 800 người làm công, có thể có 2 cán bộ chuyên trách;

— Xí nghiệp có từ trên 800 đến 1200 người làm công, có thể có 3 cán bộ chuyên trách;

— Xí nghiệp có từ trên 1200 đến 2000 người làm công, có thể có 4 cán bộ chuyên trách.

Số lượng người làm công trên đây không kể những người làm hợp đồng ngắn hạn dưới một tháng.

b) Những công đoàn cơ sở và công đoàn bộ phận (phân xưởng) có từ 80 đến 150 người làm công hoặc những công đoàn có trên 150 người làm công nhưng xét thấy không cần phải có cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn mỗi tháng được nhiều nhất 104 giờ trong giờ làm việc để làm công tác công đoàn; những công đoàn cơ sở có dưới 80 người làm công, mỗi tháng được nhiều nhất 56 giờ trong giờ làm việc để làm công tác công đoàn. Cán bộ làm công tác công đoàn trong giờ làm việc theo số giờ quy định nói trên, được tính trả lương theo mức lương cấp bậc, các khoản phụ cấp và những quyền lợi khác như khi sản xuất, công tác, do chủ xí nghiệp đài thọ. Ở những công đoàn cơ sở do nhiều xí nghiệp ghép lại, thì chủ mỗi xí nghiệp chịu trách nhiệm trả một phần tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương cho cán bộ làm công tác công đoàn trong giờ sản xuất, bằng cách phân phối theo tổng số những người làm công của từng xí nghiệp và do chủ xí nghiệp có cán bộ công đoàn làm việc chịu trách nhiệm ứng trả cả lương và các khoản phụ cấp theo lương, sau đó, sẽ thu phần phải đóng của các chủ xí nghiệp khác, theo tỷ lệ phân bổ.

c) Khi chủ xí nghiệp chuyển chuyên, hoặc cho thôi việc đối với người làm công là ủy viên Ban chấp hành công đoàn bộ phận hoặc ủy viên Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp, phải được Ban chấp hành công đoàn cấp đó thỏa thuận; đối với thư ký công đoàn bộ phận, thư ký công đoàn xí nghiệp thì phải được Ban chấp hành công đoàn cấp trên kể đó thỏa thuận.

d) Khi có cán bộ và người làm công được cử đi học, đi họp, v.v... do công đoàn cấp trên triệu tập thì chủ xí nghiệp phải bố trí cho đi. Tiền lương trong thời gian đi học, đi họp, v.v... sẽ do công đoàn cấp triệu tập trả.

2. Phương tiện hoạt động của công đoàn cơ sở.

a) Phương tiện hoạt động được cung cấp.

Tùy theo tình hình và khả năng thực tế, chủ xí nghiệp có trách nhiệm cung cấp cho công đoàn cơ sở nơi làm việc, hội họp, phương tiện liên hệ công tác, các tiện nghi làm việc, v.v... Đối với những công đoàn cơ sở, do nhiều xí nghiệp ghép lại, thì chủ mỗi xí nghiệp chịu trách nhiệm cung cấp một phần phương tiện hoạt động nói trên.

b) Việc quản lý và sửa chữa những phương tiện.

Những phương tiện hoạt động của công đoàn do chủ xí nghiệp cấp, vẫn đăng ký vào tài sản của xí nghiệp. Ban chấp hành công đoàn quản lý và sử dụng khi không dùng đến sẽ trả lại cho xí nghiệp không để mất mát. Các chi phí tu sửa phương tiện hoạt động của công đoàn do chủ xí nghiệp đài thọ trừ những chi phí nhỏ mà Ban chấp hành công đoàn có thể tự đảm nhận được.

3. Kinh phí công đoàn.

a) Những khoản trích nộp kinh phí công đoàn.

Các xí nghiệp tư bản tư doanh hàng tháng nộp cho quỹ công đoàn thuộc tài khoản của Liên hiệp công đoàn địa phương, ký gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ở các tỉnh, thành phố một số tiền gọi là kinh phí công đoàn, bằng hai phần trăm (2%) tổng số lương cấp phát trong tháng cho toàn thể những người làm công, không phân biệt ở trong hay ngoài tổ chức công đoàn, làm việc dài hạn hay ngắn hạn trong xí nghiệp, trừ những người làm tạm thời dưới một tháng hoặc làm hợp đồng từng việc đem về nhà riêng gia công.

Khi tính tổng số tiền lương để trích nộp kinh phí công đoàn, không phân biệt chế độ và hình thức trả lương, gồm các khoản mục đã quy định trong bản thành phần tổng quỹ tiền lương của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Tổng cục Thống kê.

Các khoản chi phí cho những người làm công về phúc lợi tập thể và thiết bị an toàn, không tính vào tổng số tiền lương. Tiền lương của

những người trong gia đình của chủ xí nghiệp và những cổ đông, nếu có tham gia lao động và thực sự lĩnh lương thì cũng tính vào tổng số tiền lương để làm căn cứ trích nộp kinh phí công đoàn. Tiền sinh hoạt phí của những người học việc, không tính để trích nộp kinh phí công đoàn, nhưng những người học việc đã đủ thời gian và thành nghề theo quy định của Nhà nước phải được chuyển thành người làm công ăn lương. Tiền lương của họ được tính vào tổng số tiền lương để trích nộp kinh phí công đoàn.

Sau khi đã trích nộp kinh phí công đoàn, những khoản tiền trước đây chủ xí nghiệp đã chi cho công đoàn và những người làm công, như tiền sách báo, thẻ dự thể thao, v.v... chủ xí nghiệp không phải chi nữa.

b) Thẻ thức trích nộp kinh phí công đoàn.

Mỗi tháng, chủ xí nghiệp phải làm bản kê trích nộp kinh phí công đoàn của tháng đó, nộp vào tài khoản của liên hiệp công đoàn địa phương tại ngân hàng, trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 10 tháng sau. Khi chủ xí nghiệp làm xong bản kê, phải thông qua Ban chấp hành công đoàn xí nghiệp. Đại diện Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp cùng ký tên, đóng dấu vào bản kê trước khi nộp, đồng thời lưu chiếu cả hai nơi.

IV. THẺ THỨC GIẢI QUYẾT CÁC VI PHẠM VỀ LUẬT CÔNG ĐOÀN

Khi phát hiện ra những vi phạm về Luật công đoàn, hoặc vi phạm các chính sách, luật lệ khác của Nhà nước trong khi thi hành Luật công đoàn, thì tùy từng trường hợp, mà giải quyết theo thẻ thức dưới đây.

Đối với những vi phạm về nguyên tắc, nhiệm vụ và quyền hạn của công đoàn như quyền giám sát, tổ chức cán bộ, phương tiện hoạt động công đoàn, trích nộp kinh phí công đoàn, v.v... hoặc không thi hành đúng hợp đồng lao động tập thể, hợp đồng lao động cá nhân và các chính sách, luật pháp của Nhà nước về lao động, thì báo cáo cho cơ quan lao động và công đoàn địa phương để giải quyết.

Đối với những vi phạm về chính sách, luật pháp của Nhà nước về sản xuất kinh doanh, các hợp đồng kinh tế, nộp thuế, v.v... thì báo cáo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, cố ý vi phạm hoặc tái phạm nhiều lần những vấn đề

nói trên thì từng vấn đề cơ quan lao động hoặc các cơ quan ký hợp đồng với chủ tư nhân lập biên bản đề nghị Ủy ban nhân dân, hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý về mặt hành chính hoặc đưa ra tòa án xét xử.

Các Ty, Sở lao động phối hợp với các cấp công đoàn phổ biến Luật công đoàn, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện thông tư này.

Các Bộ, Tổng cục và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bàn bạc với công đoàn cùng cấp đề chi đạo chặt chẽ việc thực hiện thông tư này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 1977

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN THỌ CHÂN

1. Luật công đoàn số 108-SL/L10 ngày 5-11-1957, in trong Công báo 1957, số 46, trang 797.

2. Nghị định số 188-TTg ngày 9-4-1958, in trong Công báo 1958, số 16, trang 253.

I

Ngày 5 tháng 11 năm 1957, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ký sắc lệnh ban bố Luật công đoàn đã được Quốc hội biểu quyết trong kỳ họp thứ bảy, khóa I, nguyên văn như sau.

LUẬT CÔNG ĐOÀN

Đề định rõ vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức công đoàn trong chế độ dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho giai cấp công nhân phát triển và củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của công đoàn trong công cuộc xây dựng chính quyền, kiến thiết kinh tế, phát triển văn hóa, nhằm củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà và xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Nay ra Luật công đoàn như sau:

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. — Công đoàn là tổ chức quần chúng của giai cấp công nhân tự nguyện lập ra. Tất cả những người lao động chân tay và lao động trí óc làm công ăn lương, đều có quyền gia nhập công đoàn.

Điều 2. — Công đoàn tổ chức theo đúng những nguyên tắc của điều lệ Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 3. — Mỗi tổ chức công đoàn, khi thành lập phải báo cáo lên công đoàn cấp trên công nhận và báo cho Ủy ban hành chính cấp tương đương biết.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÔNG ĐOÀN

Điều 4. — Đề củng cố và phát triển thắng lợi của cách mạng, bảo vệ quyền lợi căn bản của giai cấp công nhân, các cấp công đoàn phải thực hiện những nhiệm vụ mà Tổng liên đoàn lao động Việt Nam đã đề ra :

a) Tổ chức, giáo dục, đoàn kết thống nhất lực lượng lao động chân tay và lao động trí óc, làm trụ cột của chính quyền dân chủ nhân dân và Mặt trận dân tộc thống nhất ; tích cực và gương mẫu thực hiện những chính sách và pháp luật của Nhà nước.

b) Tổ chức, giáo dục lao động chân tay và lao động trí óc phát huy tinh thần yêu nước, tinh thần chủ nhân đất nước, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp, tôn trọng kỷ luật lao động, triệt để thực hiện chế độ bảo vệ an toàn lao động, đẩy mạnh thi đua sản xuất và thực hành tiết kiệm, không ngừng nâng cao hiệu suất lao động, quý trọng của công, đấu tranh chống quan liêu, lãng phí, tham ô, bảo vệ xí nghiệp và cơ quan, chống mọi hoạt động phá hoại, nhằm bảo đảm hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước.

c) Bảo vệ quyền lợi của lao động, tổ chức cải thiện sinh hoạt và thi hành mọi biện pháp nhằm nâng cao dần dần đời sống vật chất và văn hóa của công nhân, viên chức trên cơ sở phát triển sản xuất.

d) Đoàn kết nhất trí với anh chị em lao động và đồng bào miền Nam, đấu tranh bảo vệ quyền lợi hàng ngày và các quyền tự do dân chủ, đòi lập lại quan hệ bình thường Bắc Nam thực hiện thống nhất nước nhà.

đ) Nâng cao tinh thần quốc tế vô sản kết hợp với tinh thần yêu nước chân chính, đoàn kết thống nhất với lực lượng lao động thế giới, đấu tranh cho quyền lợi của lao động, cho tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân các nước, cho độc lập dân tộc và hòa bình thế giới.

Điều 5. — Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, các Liên hiệp công đoàn, công đoàn ngành dọc và các công đoàn cơ sở có quyền thay mặt cho công nhân, viên chức tham gia những cuộc hội nghị của các cơ quan chính

quyền cùng cấp đề bản về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, bản về các chính sách có liên quan đến nhiệm vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức.

Công đoàn thay mặt cho công nhân, viên chức tham gia các hội đồng sắp xếp ngạch bậc, thăng thưởng, khen thưởng và kỷ luật.

Công đoàn có quyền thay mặt cho công nhân, viên chức trước tòa án đề bảo vệ quyền lợi của công nhân, viên chức.

Điều 6.— Trong các xí nghiệp Nhà nước, công đoàn thay mặt cho công nhân, viên chức tham gia quản lý xí nghiệp và ký kết hợp đồng tập thể với giám đốc xí nghiệp.

Giám đốc xí nghiệp Nhà nước thường ký báo cáo tình hình sản xuất và việc thực hiện chế độ lao động trước toàn thể công nhân, viên chức hay hội nghị đại biểu công nhân, viên chức.

Ban chấp hành công đoàn có thể yêu cầu giám đốc xí nghiệp Nhà nước báo cáo các vấn đề có quan hệ đến nhiệm vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức.

Điều 7.— Trong các cơ quan, trường học, công đoàn giáo dục và động viên công nhân, viên chức thực hiện chương trình công tác chuyên môn, Công đoàn tham dự các cuộc hội nghị bàn về tổ chức quản trị cơ quan và tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của công nhân, viên chức trong phạm vi cơ quan, trường học.

Công đoàn có thể yêu cầu cán bộ phụ trách cơ quan, trường học, báo cáo việc thực hiện các chế độ lao động và những vấn đề có quan hệ đến đời sống của công nhân và viên chức trong phạm vi cơ quan, trường học.

Điều 8.— Trong các xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, công đoàn giám sát và giúp đỡ việc thực hiện chính sách và thi hành luật lệ về quyền lợi của công nhân, viên chức.

Điều 9.— Trong các xí nghiệp tư bản tư doanh, công đoàn tổ chức và giáo dục công nhân, viên chức thực hiện chính sách phát triển sản xuất theo phương châm «thợ và chủ đều có lợi, công và tư đều được chiếu cố».

Công đoàn thay mặt cho công nhân, viên chức hiệp thương với chủ và ký kết hợp đồng giữa thợ và chủ.

Công đoàn có quyền giám sát việc thi hành các hợp đồng đã ký kết và luật lệ về sản xuất kinh doanh, về quyền lợi của công nhân, viên chức, chống mọi hành động làm trái chính sách, kế hoạch và pháp luật của Nhà nước.

Điều 10.— Khi các ủy viên Ban chấp hành công đoàn hoặc những đại biểu công đoàn các cấp được ủy nhiệm đến kiểm tra tình hình hoạt động của công đoàn và những nơi làm việc, nơi ăn ở của công nhân, viên chức thì giám đốc xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh có nhiệm vụ giúp đỡ họ làm tròn trách nhiệm.

Điều 11.— Giám đốc xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh trong trường hợp thấy cần thiết thuyết phục hay cho thôi việc một ủy viên trong Ban chấp hành công đoàn thì phải được sự thỏa thuận của Ban chấp hành công đoàn cấp đó.

Điều 12.— Tùy theo yêu cầu công tác và hoàn cảnh của từng nơi, các cấp chính quyền, các xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh sẽ cung cấp những phương tiện cần thiết để công đoàn hoạt động được dễ dàng.

Chương III

CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

Điều 13.— Công đoàn cơ sở tổ chức theo điều lệ và quy định của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 14.— Căn cứ theo số lượng công nhân, viên chức nhiều hay ít và yêu cầu công tác của công đoàn cơ sở, Tổng liên đoàn đề nghị Chính phủ ấn định số cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn hoặc ấn định số thì giờ để làm công tác công đoàn trong giờ làm việc cho những ủy viên Ban chấp hành công đoàn.

Điều 15.— Tiền lương của cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn do quỹ công đoàn đài thọ, mức lương được hưởng như khi tham gia sản xuất hoặc làm công tác chuyên môn.

Những cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn vẫn được hưởng những quyền lợi khác như một công nhân, viên chức đang làm việc. Các quyền lợi này do xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh đài thọ.

Khi thôi chuyên trách công tác công đoàn, cán bộ đó trở lại làm công tác chuyên môn, lương thì do xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh đài thọ.

Điều 16.— Khi có những cán bộ, đoàn viên công đoàn được cử đi học, đi họp do công đoàn cấp trên triệu tập, thì công đoàn cơ sở thương lượng với giám đốc xí nghiệp Nhà nước, thủ trưởng cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh để giải quyết.

Tiền lương và những quyền lợi khác của cán bộ, đoàn viên công đoàn được cử đi học, đi họp do quỹ công đoàn đài thọ. Khi trở về làm việc cán bộ và đoàn viên đó vẫn được hưởng những quyền lợi như trước.

Điều 17.— Những cuộc hội nghị của công đoàn đều họp ngoài giờ làm việc. Trường hợp thật cần thiết muốn họp trong giờ làm việc cần được sự thỏa thuận của giám đốc xí nghiệp Nhà nước, thủ trưởng cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh.

Điều 18.— Giám đốc xí nghiệp Nhà nước, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh khi tuyên dụng người làm công hoặc cho người làm công thôi việc, phải báo cho Ban chấp hành công đoàn cơ sở biết. Trường hợp tuyên dụng hay cho thôi việc trái với chính sách và luật lệ của Chính phủ, hoặc trái với hợp đồng đã ký kết, Ban chấp hành công đoàn cơ sở có quyền can thiệp và yêu cầu xét lại.

Điều 19.— Mỗi khi công đoàn cơ sở bầu Ban chấp hành công đoàn thì báo danh sách các ủy viên trong Ban chấp hành cho giám đốc xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh biết để đặt quan hệ công tác,

Chương IV

QUỸ CÔNG ĐOÀN

Điều 20.— Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định thể lệ quản trị tài chính trong công đoàn.

Điều 21.— Quỹ công đoàn gồm các khoản sau đây :

- a) Tiền nguyệt liễm của đoàn viên theo điều lệ của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam quy định ;
- b) Tiền thu nhập về những hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao do công đoàn tổ chức ;
- c) Tiền trích hàng tháng trong quỹ của xí nghiệp Nhà nước, cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh dành cho công đoàn bằng một tỷ lệ nhất định của tổng số lương cấp phát cho toàn thể công nhân, viên chức ;
- d) Tiền trợ cấp của Nhà nước.

Điều 22.— Chính phủ quy định chi tiết thi hành đạo luật này.

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 1957

T.U.Q. Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

Tiếp ký

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

II

Nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 188-TTg ngày 9-4-1958 quy định chi tiết thi hành Luật công đoàn số 108-SL/L 10 ngày 5-11-1957.

Điều 1.— Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật công đoàn về quan hệ giữa các cấp chính quyền giám đốc xí nghiệp, thủ trưởng cơ quan Nhà nước và các chủ xí nghiệp tư bản tư doanh với tổ chức công đoàn, với công nhân, viên chức, nhằm tạo điều kiện cho giai cấp công nhân phát triển và củng cố tổ chức của mình, phát huy tác dụng tích cực của công đoàn trong công cuộc xây dựng chính quyền, kiến thiết kinh tế, phát triển văn hóa.

Chương I

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG ĐOÀN TRONG VIỆC THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, QUẢN LÝ XÍ NGHIỆP

TIẾT 1 — Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, các Liên hiệp công đoàn, công đoàn ngành dọc và công đoàn trực thuộc Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 2. — Để thực hiện vai trò của tổ chức công đoàn trong việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xí nghiệp, mỗi khi họp hội nghị bàn về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước, về vấn đề sản xuất kinh doanh, các cấp chính quyền cần tranh thủ ý kiến và thực hiện sự nhất trí với tổ chức công đoàn cùng cấp.

Đối với các chính sách và luật lệ thuộc về quyền lợi và nhiệm vụ của công nhân, viên chức, các cấp chính quyền cần thảo luận và đi đến nhất trí với tổ chức công đoàn cùng cấp trước khi quyết định. Trường hợp có những vấn đề đã thảo luận kỹ mà chưa nhất trí, thì cả hai bên phải báo cáo và xin ý kiến cấp trên.

Trong các cuộc hội nghị nói trên đại biểu của tổ chức công đoàn cấp nào là đại biểu chính thức thay mặt cho toàn thể công nhân, viên chức thuộc phạm vi tổ chức của công đoàn cấp ấy.

Đại biểu của công đoàn các cấp khi tham gia ý kiến với chính quyền có thể mang ý kiến tập thể của Ban chấp hành và của công nhân, viên chức, cơ quan chính quyền các cấp mỗi khi triệu tập hội nghị cần gửi trước chương trình, đề án cho công đoàn. Ban chấp hành công đoàn có trách nhiệm nghiên cứu các chương trình, đề án của chính quyền, chuẩn bị ý kiến và cử đại biểu thảo luận với chính quyền.

Trường hợp cấp bách, hoặc đối với những vấn đề ít phức tạp, cơ quan chính quyền có thể trao đổi ý kiến ngay với đại biểu công đoàn, không theo thủ tục nói trên.

Điều 3. — Trong quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước và các chính sách, luật lệ của Chính phủ, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam căn cứ nguyện vọng của quần chúng lao động, khi xét thấy cần thiết, có thể đề nghị với Chính phủ những ý kiến nhằm bổ sung các chính sách, luật lệ hiện hành, hoặc đề nghị ban hành những chính sách, luật lệ mới liên quan đến quyền lợi và nhiệm vụ của công nhân, viên chức.

Đối với các chính sách, luật lệ của Chính phủ về nhiệm vụ và quyền lợi của công nhân, viên chức, các Liên hiệp công đoàn, công đoàn ngành dọc, công đoàn trực thuộc Tổng Liên đoàn có nhiệm vụ cùng với cơ quan chính quyền cùng cấp quy định những chi tiết và những biện pháp thích hợp để tổ chức thực hiện các chính sách, luật lệ ấy trong phạm vi từng ngành, từng địa phương.

TIẾT 2 — Công đoàn ở các xí nghiệp Nhà nước.

Điều 4. — Mỗi khi cần giải quyết các vấn đề về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, về tổ chức lãnh đạo xí nghiệp, về thực hiện các chính sách liên quan đến nhiệm vụ, quyền lợi của công nhân, viên chức, giám đốc xí nghiệp cần triệu tập hội nghị có đại biểu công đoàn tham dự để thảo luận các vấn đề trên, trước khi đưa ra trung cầu ý kiến công nhân, viên chức.

Ban chấp hành công đoàn có trách nhiệm nghiên cứu chương trình, đề án của giám đốc, thu thập ý kiến, nguyện vọng của công nhân, viên chức, cử đại biểu đi dự hội nghị thảo luận với giám đốc xí nghiệp. Sau khi hội nghị đã quyết định, công đoàn có trách nhiệm tổ chức, động viên, hướng dẫn công nhân, viên chức tích cực phát huy sáng kiến, ra sức thi đua thực hiện quyết định ấy.

Điều 5. — Đề toàn thể công nhân, viên chức phát huy mọi khả năng, sáng kiến, trực tiếp tham gia quản lý xí nghiệp và thực hiện vai trò giám sát của mình, giám đốc xí nghiệp có nhiệm vụ thường kỳ báo cáo trước hội nghị công nhân, viên chức hoặc hội nghị đại biểu công nhân, viên chức về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, việc sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch Nhà nước, việc thi hành các chính sách, luật lệ và chế độ lao động. Nội dung báo cáo của giám đốc xí nghiệp trong hội nghị nói trên sẽ do giám đốc xí nghiệp và Ban chấp hành công đoàn thảo luận quyết định.

Những hội nghị nói trên tổ chức thường kỳ hàng tháng, ba tháng, sáu tháng hoặc theo từng thời vụ, từng đợt công tác trong phạm vi tổ sản xuất, phân xưởng, khu vực hoặc toàn xí nghiệp, tùy theo xí nghiệp lớn hay nhỏ, số lượng công nhân, viên chức nhiều hay ít, làm việc tập trung hay phân tán. Những hội nghị này do Ban chấp hành công đoàn tổ chức và lãnh đạo. Thể thức tổ chức lãnh đạo do công đoàn cấp trên hướng dẫn.

Điều 6. — Trong hội nghị nói trên, công nhân, viên chức có quyền thảo luận báo cáo của giám đốc xí nghiệp đề góp ý kiến về mọi mặt hoạt động của xí nghiệp và sự chỉ đạo của giám đốc, nhận xét, phê bình công tác của giám đốc.

Đối với các vấn đề thuộc phạm vi kế hoạch sản xuất, kinh doanh và thi hành những chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về việc quản lý xí nghiệp, hội nghị công nhân, viên chức có quyền góp ý kiến, xây dựng biện pháp thi hành. Trong khi thi hành nếu công nhân, viên chức thấy có khuyết điểm, thì có quyền đề nghị bổ sung, hoặc sửa đổi. Nhưng khi chưa có quyết định của giám đốc xí nghiệp, công nhân, viên chức không được tự ý thay đổi.

Đối với các vấn đề thuộc phạm vi sinh hoạt và phúc lợi của công nhân, viên chức, khi đã có chủ trương chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, hội nghị công nhân, viên chức có thể quyết định những biện pháp cụ thể đề giám đốc nghiên cứu và tổ chức thực hiện.

Đối với những ý kiến của hội nghị công nhân, viên chức, giám đốc xí nghiệp có nhiệm vụ nghiên cứu và giải quyết.

Đối với những ý kiến đúng thì ghi vào chương trình đề thực hiện.

Đối với những ý kiến không đủ thẩm quyền giải quyết, thì báo cáo lên cấp trên.

Đối với những ý kiến không thể thi hành được, thì trả lời và nói rõ lý do cho công nhân, viên chức biết.

Điều 7. — Trong xí nghiệp Nhà nước, khi công nhân, viên chức phát hiện những hiện tượng lãng phí, tham ô và những thiếu sót quan trọng làm tổn hại đến quyền lợi chung của Nhà nước, hoặc của công nhân, viên chức, Ban chấp hành công đoàn sau khi xác nhận, có quyền đề nghị với giám đốc xí nghiệp kiểm tra và thi hành những biện pháp cần thiết để giải quyết. Sau đó giám đốc xí nghiệp, tùy từng trường hợp, báo cáo kết quả việc thi hành những biện pháp ấy trước Ban chấp hành công đoàn, hoặc trước hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu công nhân, viên chức hoặc trước bộ phận công nhân, viên chức có liên quan.

Điều 8. — Trường hợp cấp bách có thể xảy ra tai nạn nguy hại đến tính mệnh của công nhân, viên chức và đến tài sản của Nhà nước, Ban chấp hành công đoàn có quyền đề nghị giám đốc xí nghiệp hoặc người phụ trách trực tiếp ra lệnh đình chỉ ngay bộ phận công việc có liên quan và thi hành những biện pháp phòng ngừa cần thiết. Đồng thời, nếu cần, Ban chấp hành công đoàn báo ngay cho cơ quan lao động địa phương biết.

TIẾT 3. — Công đoàn ở các cơ quan Nhà nước.

Điều 9. — Đề mở rộng dân chủ, phát huy mọi khả năng, sáng kiến của cán bộ, viên chức, bảo đảm hoàn thành công tác chuyên môn, thủ trưởng cơ quan phối hợp với Ban chấp hành công đoàn tổ chức những hội nghị cán bộ, viên chức của cả cơ quan hoặc từng bộ phận để nghe và thảo luận báo cáo của thủ trưởng về chương trình công tác của cơ quan, về việc sơ kết, tổng kết thực hiện chương trình công tác của cơ quan, hoặc về việc thi hành chính sách, luật lệ quan hệ đến đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, viên chức.

Những hội nghị nói trên tổ chức thường kỳ hàng tháng, hoặc ba tháng, sáu tháng tùy theo cơ quan lớn hay nhỏ, tập trung hay phân tán.

Trong các hội nghị nói trên, cán bộ, viên chức thảo luận, nhận xét, bổ sung báo cáo của thủ trưởng cơ quan, góp phần xây dựng chương trình công tác, đề nghị những biện pháp cải tiến tổ chức lãnh đạo và lề lối làm việc của cơ quan.

Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu ý kiến của Ban chấp hành công đoàn và của cán bộ, viên chức và giải quyết theo như cách giải quyết đã quy định cho giám đốc xí nghiệp trong điều 6.

Đề đảm bảo sinh hoạt dân chủ trong cơ quan, Ban chấp hành công đoàn có quyền nhắc nhở thủ trưởng cơ quan mở những hội nghị thường kỳ nói trên.

Điều 10. — Đại biểu công đoàn là người thay mặt chính thức cho toàn thể cán bộ, viên chức của cơ quan tham gia những hội nghị do thủ trưởng cơ quan triệu tập để bàn về những biện pháp thực hiện chương trình công tác của cơ quan, việc tổ chức quản trị cơ quan và thi hành các chính sách, luật lệ có quan hệ đến đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, viên chức.

Điều 11. — Trong cơ quan Nhà nước, khi cán bộ, viên chức phát hiện những hiện tượng lãng phí, tham ô và những thiếu sót quan trọng làm tổn hại đến quyền lợi của Nhà nước hoặc của cán bộ, viên chức, Ban chấp hành công đoàn, sau khi xác nhận, có quyền đề nghị với thủ trưởng cơ quan kiểm tra và thi hành những biện pháp cần thiết để giải quyết. Sau đó thủ trưởng cơ quan tùy từng trường hợp báo cáo kết quả việc thi hành những biện pháp ấy trước Ban chấp hành công đoàn, hoặc trước hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức, hoặc trước bộ phận cán bộ, viên chức có liên quan.

TIẾT 4 — Công đoàn ở các xí nghiệp tư bản tư doanh :

Điều 12. — Trong các xí nghiệp tư bản tư doanh, Ban chấp hành công đoàn giám sát việc thực hiện các hợp đồng, thi hành các chính sách, và góp ý kiến với chủ xí nghiệp nhằm thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết, thi hành đúng đắn các chính sách về sản xuất, kinh doanh, các luật lệ và chế độ lao động.

Điều 13. — Mỗi khi cơ quan Nhà nước thảo luận và định ký hợp đồng sản xuất kinh doanh với chủ xí nghiệp tư bản tư doanh thì cơ quan Nhà nước và chủ xí nghiệp phải mời đại biểu công đoàn tham gia. Dự án hợp đồng phải gửi đến Ban chấp hành công đoàn ít nhất là 7 ngày trước khi ký kết. Khi quyết định việc ký kết hợp đồng, cơ quan Nhà nước và chủ xí nghiệp phải đặc biệt xem trọng ý kiến của công đoàn. Ban chấp hành công đoàn có nhiệm vụ tổ chức, động viên công nhân, viên chức thực hiện tốt các hợp đồng đã ký kết.

Điều 14. — Hàng tháng, Ban chấp hành công đoàn và chủ xí nghiệp tư bản tư doanh họp hội nghị để kiểm điểm, nhận xét việc thi hành các hợp đồng, các chính sách, luật lệ của Chính phủ về việc sản xuất, kinh doanh, về quyền lợi của công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Điều 15. — Khi công nhân, viên chức phát hiện những hiện tượng không thi hành đúng những hợp đồng sản xuất, hợp đồng giữa thợ và chủ, điều lệ lao tư hoặc những chính sách khác của Chính phủ, thì Ban chấp hành công đoàn có quyền đề nghị chủ xí nghiệp phải kiểm điểm và đưa ra hội nghị hiệp thương hoặc hội nghị công nhân, viên chức để thảo luận và giải quyết. Nếu không giải quyết được thì công đoàn báo cáo lên cơ quan lao động giải quyết theo luật lệ hiện hành. Trường hợp có những vi phạm nghiêm trọng pháp luật Nhà nước, công đoàn có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan chính quyền địa phương.

TIẾT 5 — Tư cách pháp nhân của công đoàn :

Điều 16. — Các tổ chức công đoàn có quyền ký kết hợp đồng, yêu cầu tòa án xét xử về những việc có liên quan đến quyền lợi và danh dự chung của công nhân, viên chức.

Công nhân, viên chức trong hay ngoài công đoàn có thể ủy quyền cho Ban chấp hành công đoàn cơ quan xí nghiệp thay mặt mình trước tòa án về những việc có tổn hại đến quyền lợi chính đáng của công nhân, viên chức.

Ban chấp hành công đoàn có quyền cử người trong tổ chức mình để bào chữa trước tòa án giúp những công nhân, viên chức trong hay ngoài tổ chức công đoàn, khi những người này yêu cầu.

Chương II**PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN**

Điều 17. — Để các cấp công đoàn có đủ phương tiện hoạt động, chính quyền các cấp có trách nhiệm cung cấp cho Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, các Liên hiệp công đoàn, các công đoàn ngành dọc và công đoàn trực thuộc Tổng liên đoàn : nhà cửa, đồ đạc, dụng cụ cần thiết và đủ dùng để làm việc, hội họp, giao thông liên lạc và giải trí.

Ở xí nghiệp và cơ quan, thì tùy theo tính chất, phạm vi hoạt động, nhu cầu, hoàn cảnh, khả năng cụ thể giám đốc xí nghiệp Nhà nước, thủ trưởng cơ quan, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh có trách nhiệm cung cấp cho công đoàn trụ sở làm việc, nơi hội họp, bàn ghế, máy chữ, điện thoại, xe đạp, v.v...

Điều 18. — Căn cứ vào tính chất và khối lượng công tác của từng công đoàn cơ sở và theo tinh thần báo đảm thì giờ để sản xuất và công tác, nay ấn định số thì giờ và số cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn trong giờ làm việc ở các xí nghiệp Nhà nước, cơ quan và các xí nghiệp tư bản tư doanh như sau :

a) Trong các xí nghiệp :**Thì giờ để làm công tác công đoàn :**

Những công đoàn cơ sở và công đoàn bộ phận (phân xưởng) có từ 80 đến 150 công nhân, viên chức hoặc những công đoàn có trên 150 công nhân, viên chức nhưng xét thấy không cần phải có cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn, mỗi tháng được nhiều nhất 104 giờ trong giờ làm việc để làm công tác công đoàn.

Những công đoàn cơ sở dưới 80 công nhân, viên chức mỗi tháng được nhiều nhất 56 giờ trong giờ làm việc để làm công tác công đoàn.

Số lượng công nhân, viên chức nói trong điều này gồm tất cả công nhân, viên chức của xí nghiệp, trong cũng như ngoài tổ chức công đoàn, không kể những người tạm tuyển ngắn hạn dưới một tháng.

Cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn :

— Những công đoàn cơ sở có từ trên 150 đến 400 công nhân, viên chức có thể có một cán bộ chuyên trách ;

— Những công đoàn cơ sở có từ trên 400 đến 800 công nhân, viên chức có thể có hai cán bộ chuyên trách ;

— Những công đoàn cơ sở có từ trên 800 đến 1200 công nhân, viên chức, có thể có ba cán bộ chuyên trách ;

— Những công đoàn cơ sở có từ trên 1200 đến 2000 công nhân, viên chức có thể có bốn cán bộ chuyên trách ;

— Những công đoàn cơ sở có trên 2000 công nhân, viên chức, cứ thêm 1500 công nhân, viên chức thì có thể thêm một cán bộ chuyên trách.

Tùy theo sự phát triển của phong trào, tùy theo yêu cầu công tác, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam sẽ căn cứ vào quy định trên đây để điều chỉnh số cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn cho thích hợp.

Đối với những công đoàn cơ sở mà số lượng công nhân, viên chức dưới mức ấn định, nếu xét cần phải có cán bộ chuyên trách làm công tác công đoàn thì Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam sẽ cùng với Bộ sở quan quyết định.

b) Trong các cơ quan Nhà nước:

Nói chung, trong các cơ quan Nhà nước, cán bộ làm công tác công đoàn không thoát ly công tác chuyên môn. Số thì giờ để làm công tác công đoàn trong thì giờ làm việc chuyên môn nhiều hay ít tùy theo yêu cầu công tác của mỗi công đoàn cơ quan, nhưng nhiều nhất cũng chỉ được 104 giờ mỗi tháng. Trường hợp cần thiết phải có cán bộ thoát ly công tác chuyên môn để chuyên trách làm công tác công đoàn, thì Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam sẽ cùng với Bộ sở quan quyết định.

Chương III**QUỸ CÔNG ĐOÀN**

Điều 19. — Đề góp vào quỹ công đoàn, giám đốc xí nghiệp Nhà nước, thủ trưởng cơ quan, trường học, chủ xí nghiệp tư bản tư doanh, hiệu trưởng trường tư thực, hàng tháng nộp cho quỹ công đoàn thuộc tài khoản của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ở Ngân hàng quốc gia Việt Nam, một số tiền gọi là kinh phí công đoàn bằng hai phần trăm (2%) tổng số tiền lương cấp phát trong tháng cho toàn thể công nhân, viên chức, không phân biệt trong hay ngoài biên chế.

Điều 20. — Những khoản tiền sau đây không kê vào tổng số tiền lương khi tính kinh phí công đoàn:

- Lương của chủ hay người thay mặt cho chủ ở các xí nghiệp tư bản tư doanh;
- Lương hay tiền công của những người học việc, những người lao động độc lập;
- Lương hay tiền công của những người giúp việc trong những nhà ăn, nhà giữ trẻ do công nhân, viên chức tự tổ chức và đảm nhiệm việc trả lương;
- Lương hay tiền công của những người tham gia những tập đoàn sản xuất, những đội bốc vác làm việc không thường xuyên cho các cơ quan, xí nghiệp và khách tư nhân.

Điều 21. — Đối với những đội công nhân bốc vác đã có tổ chức công đoàn cơ sở và làm thường xuyên cho cơ quan, xí nghiệp, nhận việc khoán, trả theo hợp đồng, theo giá cước, thì đơn vị thuê người bốc vác ngoài giá cước thường lệ, sẽ trả thêm hai phần trăm (2%) để bỏ vào quỹ công đoàn của những đội công nhân ấy. Hàng tháng Ban chấp hành công đoàn cơ sở của những đội này phải nộp số tiền hai phần trăm (2%) này vào tài khoản của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tại ngân hàng địa phương.

Điều 22. — Kinh phí công đoàn tháng trước phải nộp từ ngày 1 đến ngày 10 tháng sau vào tài khoản của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ở Ngân hàng quốc gia Việt Nam.

Điều 23. — Quá hạn quy định nói trên mà đơn vị có trách nhiệm chưa nộp đủ kinh phí công đoàn, thì Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp báo cho cơ quan tài chính hoặc ngân hàng địa phương làm thẻ thực chuyển khoản số tiền phải nộp từ tài khoản của đơn vị có trách nhiệm sang tài khoản của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Nếu đơn vị có trách nhiệm không có tài khoản ở cơ quan tài chính hoặc ngân hàng, thì Ban chấp hành công đoàn sẽ báo cho cơ quan chính quyền và cơ quan lao động địa phương biết để giải quyết.

Điều 24. — Đề báo đảm nộp kinh phí công đoàn đủ số, Ban chấp hành công đoàn cơ sở có nhiệm vụ kiểm tra các sổ sách giấy tờ có liên quan đến số lượng và tiền lương của công nhân, viên chức của xí nghiệp, cơ quan.

Điều 25. — Số tiền trợ cấp của Nhà nước nói trong điều 21-d Luật công đoàn, sẽ do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đề nghị và Bộ Tài chính xét, trình Chính phủ duyệt.

Điều 26. — Chi tiết về tổ chức, quản lý, sử dụng, dự toán, quyết toán, kiểm tra quỹ công đoàn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ấn định và Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 27. — Những xí nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng sẽ thi hành nghị định này như các xí nghiệp Nhà nước nói chung. Nhưng mức độ tham gia quản lý xí nghiệp của công đoàn cơ sở và công nhân, viên chức trong một số xí nghiệp đặc biệt của Bộ Quốc phòng sẽ có quy chế riêng thích ứng với những xí nghiệp ấy.

Những trường hợp cần có quy định riêng nói trong điều khoản này sẽ do Bộ Lao động và Bộ sở quan quy định, sau khi hỏi ý kiến của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Điều 28. — Danh từ xí nghiệp nói trong nghị định này chỉ chung các cơ sở sản xuất, kinh doanh như nhà máy, kho, xưởng, cửa hàng, khách sạn, hầm mỏ, công trường, nông trường, lâm trường.

Danh từ cơ quan nói trong nghị định này chỉ chung các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các cơ quan của các đoàn thể nhân dân.

Điều 29. — Các ông Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, ông Tổng giám đốc Ngân hàng quốc gia Việt Nam, và ông Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG